

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính
phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-
CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào
tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính
phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP
ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng
9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành
cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số
06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ*

sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 627/TTr-SNV ngày 09 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

QUY CHẾ

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện.
- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau đây gọi chung là cấp xã).
- Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả.

Chương II ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước

- Đào tạo lý luận chính trị: Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử đi đào tạo lý luận chính trị phải bảo đảm đúng

đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị theo quy định của Đảng và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2. Đào tạo sau đại học thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Nghị định số 101/2017/NĐ-CP).

3. Đào tạo đại học đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Bồi dưỡng: Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cử tham gia các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cấp xã; yêu cầu vị trí việc làm phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của chương trình bồi dưỡng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 5. Điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Cán bộ, công chức, viên chức cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Cán bộ, công chức, viên chức cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BNV).

Điều 6. Gia hạn thời gian đào tạo sau đại học

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học hết thời hạn đào tạo theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà chưa hoàn thành khóa học thì phải gửi hồ sơ xin gia hạn thời gian đào tạo đến cơ quan cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo ít nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn đào tạo để xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ xin gia hạn gồm có:

a) Đơn xin gia hạn trong thời gian học tập, nêu rõ lý do xin gia hạn, thời gian xin gia hạn, nguồn kinh phí cho việc học tập trong thời gian xin gia hạn.

b) Văn bản thông báo của cơ sở đào tạo (được dịch và công chứng nếu đào tạo ở nước ngoài).

c) Văn bản đề nghị cho gia hạn của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 7. Tự đào tạo, bồi dưỡng

1. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã tự đào tạo, bồi dưỡng ngoài giờ hành chính để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm theo quy định và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trường hợp tự đào tạo, bồi dưỡng ảnh hưởng đến thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương đang công tác phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.

Điều 8. Quyền lợi và trách nhiệm của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Quyền lợi

Được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh Bình Định về cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

b) Phải thực hiện đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý theo quy định và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Chấp hành đúng thời gian đào tạo theo đúng quy định của cơ sở đào tạo; nếu cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã vì lý do khách quan phải kéo dài thời gian đào tạo thì phải được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo và cơ sở đào tạo đồng ý, thời gian kéo dài tối đa không quá 12 tháng. Mọi chi phí do kéo dài thời gian đào tạo do cán bộ, công chức, viên chức tự chi trả. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã vi phạm quy định về thời gian kéo dài nêu trên thì phải đền bù toàn bộ kinh phí đào tạo theo quy định.

d) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ của khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không chấp hành quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cấp có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền đồng ý sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

e) Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện quy định về đền bù kinh phí đào tạo (nếu vi phạm) theo đúng cam kết và các quy định hiện hành.

Điều 9. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định Điều 36 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, khoản 12 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Nghị định số 89/2021/NĐ-CP), Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC); Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BTC) và quy định hiện hành của tỉnh Bình Định.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (viết tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP); Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC và quy định hiện hành của tỉnh Bình Định.

3. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC; quy định hiện hành của Trung ương và của tỉnh Bình Định.

4. Trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác với quy định về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thực hiện theo văn bản có hiệu lực theo quy định.

Điều 10. Đền bù chi phí đào tạo

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trình độ đại học, sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc chi phí của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

3. Xét đền bù, điều kiện được giảm chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 và 12 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; báo cáo kết quả xét đền bù chi phí đào tạo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

4. Thẩm quyền quyết định đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

5. Trả và thu hồi kinh phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và quy định pháp luật; quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi là đơn vị nhóm 1), đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 2) quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy.

3. Việc cử cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đi đào tạo lý luận chính trị thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Chương III QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 12. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi

đưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 10 hằng năm để tổng hợp, xây dựng kế hoạch của năm sau liền kề.

b) Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của năm sau liền kề, hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành, xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước ngày 30 tháng 01 hằng năm.

3. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các lớp bồi dưỡng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thì đăng ký nhu cầu về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 13. Quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Thường trực Tỉnh ủy quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, theo dõi và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong nước

a) Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm sau liền kề hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện chế độ báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng với cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Bộ Nội vụ tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV và các quy định hiện hành.

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

c) Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo quy định.

Điều 15. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương mình thì phải thực hiện việc đánh giá chất lượng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định và gửi báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

3. Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp, kiểm tra việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; triển khai tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo quy định.

Điều 17. Sở Tài chính

1. Chủ trì tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Điều 18. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo ngành, lĩnh vực; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo giai đoạn và hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức các khóa, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của tỉnh bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ và chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm, chịu trách nhiệm về nội dung tài liệu bồi dưỡng; thực hiện đánh giá chất lượng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ tại quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, có nhiệm vụ xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Nội dung quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.